

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023

## BẢN TIN ĐỢT XUẤT

Tình trạng hạn hán, thiếu nước Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải  
(Tuần từ 24/3/2023 đến 30/3/2023)

### I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

#### 1.1. Lượng mưa (hiện tại)

Từ ngày 01/03-23/03/2023, lượng mưa tích lũy tại các trạm trong vùng phổ biến từ 0÷3,4mm, thấp so với cùng kỳ TBNN từ 90 ÷ 99%.

#### 1.2. Nguồn nước

- Từ ngày 01/03 đến ngày 23/03, mực nước các trạm Hưng Yên, Triều Dương cao hơn cùng kỳ TBNN từ 0,19÷0,42m; mực nước các trạm còn lại thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 0,05÷0,12m.

- Nguồn nước chính cho hệ thống Bắc Hưng Hải lấy từ sông Hồng qua cống Xuân Quan: mực nước tại thượng lưu cống Xuân Quan (Max +1,59m; TB +0,99.m, Min +0,31m), thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 là 0,04m và thấp hơn khoảng 1m so với thiết kế.

- Nguồn lấy nước ngược qua cống Cầu Xe, An Thổ: Tuần vừa qua xuất hiện triều cường tại Cầu Xe và An Thổ từ ngày 17-21/3/2023, độ mặn có xu hướng tăng ảnh hưởng đến việc lấy nước ngược vào hệ thống.

**Bảng 1. Mực nước tại các, trạm thủy văn, điểm chốt trên hệ thống trong tuần (max, min, TB, theo quy trình vận hành)**

Đơn vị: m

| Trạm/<br>Mực<br>nước | TL<br>Báo<br>Đáp | TL<br>Kênh<br>Cầu | TL<br>Lực<br>Điện | TL C.<br>Tranh | TL Bá<br>Thủy | TL C.<br>Neo | TL<br>Cầu<br>Cát | TL<br>Cầu<br>Xe | TL<br>An<br>Thổ |
|----------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------|---------------|--------------|------------------|-----------------|-----------------|
| Max                  | +1,45            | +1,37             | +1,35             | +1,29          | +1,32         | +1,18        | +1,40            | +1,39           | +1,38           |
| Min                  | +0,81            | +1,10             | +1,09             | +1,04          | +1,07         | +0,65        | +1,07            | +0,67           | +0,66           |
| TB                   | +1,16            | +1,23             | +1,21             | +1,16          | +1,20         | +0,93        | +1,23            | +1,02           | +1,00           |
| QTVH                 |                  | +1,60             |                   |                | +1,30         | +1,20        |                  | +0,8            | +0,8            |
| (+/-) so<br>2022     | -0,05            | -0,20             | -0,06             | -0,05          | 0,01          | -0,26        | 0,00             | -0,04           | -0,03           |
| (+/-) so<br>với TK   |                  | -0,37             |                   |                | -0,10         | -0,27        |                  | +0,22           | +0,2            |

**Bảng 2. Độ mặn thực đo lớn nhất trong tuần từ ngày 16/3 đến 23/3/2023**

Đơn vị: ‰

| Ngày/tháng | 16/3 | 17/3 | 18/3 | 19/3 | 20/3 | 21/3 | 22/3 |
|------------|------|------|------|------|------|------|------|
| An Thổ     | 4,72 | 3,35 | 2,06 | 1,88 | 2,4  | 1,71 | 0,94 |

### **Nhận xét:**

- So với quy trình vận hành, trung bình mực tại các điểm chốt thấp hơn yêu cầu đề ra, cụ thể: Kênh Cầu thấp hơn 0,37m; Neo thấp hơn 0,27m; Bá Thủy thấp hơn 0,1m.

- Độ mặn: từ 16/3-23/3/2023, độ mặn lớn nhất tại cống Cầu Xe, An Thổ từ 0,94 ‰ đến 4,72‰ cao hơn ngưỡng cho phép lấy nước (Bảng 2); do đó hàng ngày có nhiều thời điểm không lấy được nước.

## **II. TÌNH HÌNH HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC**

### **2.1. Thực trạng thiếu nước**

+ Tỉnh Hưng Yên tính đến ngày 22/3/2023 còn 218 ha đang phải tăng cường thực hiện các giải pháp để cấp nước.

+ Tỉnh Hải Dương tính đến 22/3/2023 tình trạng thiếu nước ở các khu vực thuộc huyện Bình Giang đã cơ bản được khắc phục, nguồn nước đã tạm thời đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất. Hiện tại chỉ còn 50ha thiếu nước thuộc xã Tân Hồng, Vĩnh Hồng, Bình Xuyên huyện Bình Giang

Thông tin thực tế vận hành lấy nước tuần qua tại một số vị trí như sau:

+ Từ 17/3-22/3/2023 cống Xuân Quan chỉ mở lấy nước được tổng cộng 57 giờ với tổng lượng nước lấy được khoảng 7,1 triệu m<sup>3</sup>; cống Cầu Xe và An Thổ mở được 4-5 ngày với tổng số giờ là 29 giờ, tổng lượng nước lấy được khoảng 11,5 triệu m<sup>3</sup>.

+ Trạm bơm Phú Mỹ vận hành không hết công suất do mực nước sông Đuống xuống thấp do bị ảnh hưởng triều. Trong thời gian cấp nguồn bổ sung cho hệ thống, trạm bơm vẫn phải làm nhiệm vụ tưới cho diện tích tưới phụ trách theo thiết kế.

+ Trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Công ty KTCTTL Hải Dương đã sử dụng trạm bơm Trinh Nữ lấy nước từ sông Đình Đào bơm lên kênh KC- Trinh Nữ, phá tường cầu máng trạm bơm Cổ Bì để dẫn nước cấp nguồn vào kênh Phủ – Cổ Bì; lắp đặt trạm bơm dã chiến (4\*1400 m<sup>3</sup>/h) tại cống lấy nước Ô Xuyên 2 lấy nước từ sông Đình Đào bơm cấp nguồn vào kênh Bùi Xá – Ô Xuyên.

### **2.2. Nguyên nhân thiếu nước**

Từ ngày 1 đến 23/3/2023 trên địa bàn hệ thống chỉ xuất hiện mưa nhỏ với tổng lượng mưa tích lũy 0-3,4mm.

Mực nước tại các điểm chốt trong hệ thống giảm nhanh do nhiều diện tích cần tưới dưỡng, các trạm bơm đồng loạt bơm, nguồn nước lấy vào hệ thống rất hạn chế. Mực nước tại Kênh Cầu thấp hơn 0,37m; Neo thấp hơn 0,27m; Bá Thủy thấp hơn 0,1m so với quy trình vận hành.

Khi xảy ra triều cường mực nước thuận lợi hơn nhưng độ mặn cao nên việc lấy nước cũng bị hạn chế, chỉ tranh thủ được các thời điểm có độ mặn phù hợp. Ô nhiễm nguồn nước trên một số tuyến kênh trong hệ thống dẫn đến không thể lấy nước phục vụ sản xuất.

### **2.3. Giải pháp khắc phục đã thực hiện**

Trong tuần vừa qua công ty Bắc Hưng Hải đã phối hợp với các địa phương thực hiện các giải pháp cấp nguồn bổ sung vào hệ thống như:



+ Vận hành trạm bơm Phú Mỹ ( $5 \times 9.600 \text{ m}^3/\text{h}$ ) cấp nguồn bổ sung vào kênh Kim Sơn; chủ động vận hành các cống, trạm bơm lấy nước tối đa vào hệ thống phục vụ sản xuất;

+ Mở các cống tiêu Bá Thủy, Cầu Xe và An Thổ tạo dòng chảy để giảm bớt ô nhiễm trên kênh Kim Sơn nhưng vẫn đảm bảo duy trì mực nước tại thượng lưu cống Bá Thủy để các trạm bơm của tỉnh Hưng Yên đủ điều kiện vận hành; đồng thời tranh thủ lợi dụng thủy triều để lấy nước ngược.

+ Đóng kín các cống Tranh và Lục Điền để phân vùng, giảm ô nhiễm lây lan trong hệ thống.

+ Lắp đặt các trạm bơm dã chiến trong nội đồng để chuyển nước từ nơi thuận lợi sang vùng khó khăn.

+ Thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin về mực nước, lượng mưa, độ mặn trên website bhh.com.vn để các địa phương chủ động vận hành các công trình trữ nước vào nội đồng phục vụ sản xuất.

Kết quả đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp trong hệ thống, tính đến 23/3/2023 chưa có diện tích bị thiệt hại do hạn hán, thiếu nước.

### III. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC TRONG TUẦN TỚI

#### 3.1. Dự báo mưa

Dự báo từ ngày 24/03 đến 30/03/2023, trên toàn vùng vùng có thể có mưa nhỏ với tổng lượng trong tuần phổ biến từ 10 - 13 mm. Lượng mưa dự báo thấp hơn từ 11-46% so với cùng kỳ TBNN.

#### 3.2. Dự báo mực nước, độ mặn tại các điểm chốt trên hệ thống

Dự báo mực nước trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội tuần 24-30/3/2023 sẽ tiếp tục giảm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Dự báo mực nước cao nhất tại trạm thủy văn Hà Nội trong tuần đạt +1,27m và mực nước trung bình chỉ ở mức +0,81cm; tại trạm Xuân Quan cao nhất là +1,25m, trung bình đạt +0,73m vào ngày 30/3/2023.

Dự báo mực nước tại các điểm chốt trong tuần từ 24-30/3/2023 tiếp tục diễn biến giảm: mực nước tại Kênh Cầu thấp hơn 0,75m; Neo thấp hơn 0,46m; Bá Thủy thấp hơn 0,56m so với quy trình vận hành (*chi tiết tại Bảng 3*)

Dự báo độ mặn max tại cống Cầu Xe - An Thổ trong tuần có khả năng tăng khi xuất hiện triều cường từ ngày 29-31/3/2023.

**Bảng 3. Dự báo mực nước tại các, trạm thủy văn, điểm chốt trên hệ thống trong tuần từ 24/3/2023-30/3/2023 (max, min, TB, theo quy trình vận hành)**

*Đơn vị: m*

| Trạm/<br>Mực<br>nước | TL<br>Báo<br>Đáp | TL<br>Kênh<br>Cầu | TL<br>Lục<br>Điền | TL C.<br>Tranh | TL Bá<br>Thủy | TL C.<br>Neo | TL<br>Cầu<br>Cát | HL<br>Cầu<br>Xe | HL<br>An<br>Thổ |
|----------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------|---------------|--------------|------------------|-----------------|-----------------|
| Max                  | +1,15            | +1,07             | +1,02             | +0,99          | +0,95         | +1,01        | +1,13            | +1,14           | +1,15           |
| Min                  | +0,80            | +0,75             | +0,73             | +0,71          | +0,60         | +0,56        | -0,36            | -0,54           | -0,43           |
| TB                   | +0,92            | +0,85             | +0,83             | +0,80          | +0,74         | +0,74        | +0,24            | +0,22           | +0,28           |
| QTVH                 |                  | +1,60             |                   |                | +1,30         | +1,20        |                  | +0,8            | +0,8            |
| (+/-) so<br>với TK   |                  | -0,75             |                   |                | -0,56         | -0,46        |                  | -0,58           | -0,52           |

### 3.3. Nhận định về khả năng cấp nước của hệ thống

Với tình hình diễn biến mực nước, độ mặn trong tuần từ ngày 24/3-30/3/2023 như dự báo các khu vực vẫn khó khăn trong việc lấy nước cho sản xuất như sau:

+ Tỉnh Hưng Yên dự báo 3-5 ngày tới sẽ có khoảng 390 ha (huyện Kim Động) có nguy cơ bị thiếu nước, phải tăng cường giải pháp ứng phó.

+ Trên địa bàn tỉnh Hải Dương nếu tình hình diễn biến thời tiết, thủy văn thời gian tới vẫn tiếp tục diễn biến cực đoan, phức tạp thì có nguy cơ sẽ xảy ra thiếu nước cục bộ tại một số khu vực. Khả năng cực đoan nhất xảy ra có thể gây nguy cơ thiếu nước như sau:

- Tại Bình Giang: Diện tích thiếu nước 500ha (xã Tân Hồng, Vĩnh Hồng, Bình Xuyên, Thái Hòa, TT Kê Sặt, Nhân Quyền, Thái Học).

- Tại Gia Lộc: Nếu mức nước hạ lưu cống Bá Thủy thấp hơn 0,8m. Diện tích thiếu nước là 260 ha (xã Hoàng Diệu, Gia Khánh, Đồng Quang, Đức Xương, Gia Tân, Hồng Hưng, Toàn Thắng).

- Tại Ninh Giang: Diện tích thiếu nước khoảng 400ha (Văn Hội, Tân Quang, Hưng Long, Hồng Phúc)

- Tại Thanh Miện: Diện tích thiếu nước là 1200 ha (Thị Trấn, Cao Thắng, Chi Lăng Bắc, Chi Lăng Nam, Thanh Giang, Hồng Quang, Đoàn Kết, Ngô Quyền, Tân Trào, Đoàn Tùng, Lam Sơn, Tứ Cường)

Do vậy, để đảm bảo sản xuất cần có các biện pháp bổ sung thêm nguồn nước vào hệ thống.

#### IV. ĐỀ XUẤT - KIẾN NGHỊ

- Công ty Bắc Hưng Hải và công ty Nam Đuống tiếp tục phối hợp duy trì bơm cấp nguồn từ trạm bơm Phú Mỹ (tỉnh Bắc Ninh) về Kim Sơn; Bổ sung thêm nguồn từ trạm bơm Môn Quảng, Kênh Vàng, Vạn Ninh (tỉnh Bắc Ninh) lấy nước từ sông Đuống và sông Thái Bình cấp nguồn bổ sung về kênh Tràng Kỵ.

- Công ty Hưng Yên, Hải Dương chủ động bổ sung thêm nguồn từ công Vĩng Phan và trạm bơm Vĩng Phan, cống Triều Dương (tỉnh Hưng Yên); các công trình nhỏ lấy nước từ sông ngoài để mở rộng vùng cấp nước để giảm áp lực cho lấy nước từ kênh trục Bắc Hưng Hải; lắp đặt các trạm bơm dã chiến trong nội đồng để chuyển nước từ vùng thuận lợi sang vùng khó khăn về nguồn nước. /.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 30/3/2023**

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Đào Ngọc Tuấn*



Phụ lục 1

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH MƯA

| TT         | Trạm        | Lượng mưa<br>từ 01/3 đến<br>19h,23/3/2023<br>(mm) | So sánh lượng mưa thực đo với các năm cùng kỳ<br>(+/- (%)) |      |      |      |      | Lượng<br>mưa dự<br>báo từ<br>24/3 -<br>30/3/2023 | So sánh mưa dự báo với cùng thời đoạn<br>(+/-%) |           |      |           |      | Khuyến cáo |
|------------|-------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------|------|------|------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------|------|-----------|------|------------|
|            |             |                                                   | TBNN                                                       | 2022 | 2021 | 2018 | 2017 |                                                  | TBNN                                            | 2022      | 2021 | 2018      | 2017 |            |
| 1          | Hải Dương   | 1,0                                               | -96                                                        | -98  | -98  | -95  | -98  | 13,3                                             | -11                                             | -69       | +93  | +161      | +93  | Có mưa nhỏ |
| 2          | Thuận Thành | 0,4                                               | -99                                                        | -98  | -99  | -99  | -99  | 10,7                                             | -21                                             | -21       | +115 | Không mưa | +88  | Có mưa nhỏ |
| 3          | Bắc Ninh    | 3,4                                               | -90                                                        | -91  | -94  | -87  | -94  | 10,2                                             | -46                                             | -44       | +24  | Không mưa | -31  | Có mưa nhỏ |
| 4          | Hưng Yên    | 2,4                                               | -92                                                        | -93  | -98  | -93  | -95  | 13,0                                             | -14                                             | +37       | +150 | Không mưa | -40  | Có mưa nhỏ |
| 5          | Văn Giang   | 0,2                                               | -99                                                        | -99  | -99  |      |      | 11,8                                             | -22                                             | Không mưa | +883 |           |      | Có mưa nhỏ |
| 6          | Khoái Châu  | 0,4                                               | -98                                                        | -99  | -99  |      |      | 12,6                                             |                                                 | +28       | +230 |           |      | Có mưa nhỏ |
| 7          | Triều Dương | 1,6                                               | -94                                                        | -92  | -98  | -94  | -96  | 13,1                                             | -22                                             | +34       | +228 | Không mưa | +14  | Có mưa nhỏ |
| 8          | Ân Thi      | 0,4                                               | -98                                                        | -98  | -99  |      |      | 12,6                                             | -23                                             | -38       | +142 |           |      | Có mưa nhỏ |
| 9          | Tiên Lữ     | 0,0                                               |                                                            | -100 | -100 |      |      | 12,9                                             |                                                 | +222      | +222 |           |      | Có mưa nhỏ |
| 10         | Kim Động    | 0,0                                               |                                                            | -100 | -100 |      |      | 12,8                                             |                                                 | +7        | +287 |           |      | Có mưa nhỏ |
| Trung bình |             | 1,0                                               |                                                            |      |      |      |      | 12,3                                             |                                                 |           |      |           |      |            |

**Phụ lục II**  
**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH MỨC NƯỚC**

| TT | Trạm        | Tỉnh      | Sông  | Mức nước TB hiện tại (từ 01/03-23/03/2023) (m) |      |            | So sánh MNTB hiện tại so với cùng kỳ (m) |       |       |       | Mức nước TB tuần tới (m) |                         |
|----|-------------|-----------|-------|------------------------------------------------|------|------------|------------------------------------------|-------|-------|-------|--------------------------|-------------------------|
|    |             |           |       | Max                                            | Min  | Trung bình | TBNN                                     | 2022  | 2021  | 2020  | Trung bình               | So với TB tuần hiện tại |
| 1  | Thượng Cát  | Hà Nội    | Đuống | 1,35                                           | 0,18 | 0,86       | -0,05                                    | 0,08  | 0,18  | 0,19  | 0,61                     | thấp hơn 0,25 m         |
| 2  | Hà Nội      | Hà Nội    | Hồng  | 1,68                                           | 0,26 | 0,99       | -0,09                                    | 0,01  | -0,12 | 0,09  | 0,85                     | thấp hơn 0,15 m         |
| 3  | Hưng Yên    | Hưng Yên  | Hồng  | 1,35                                           | 0,13 | 0,75       | 0,19                                     | 0,01  | 0,07  | 0,03  | 0,63                     | thấp hơn 0,12 m         |
| 4  | Triều Dương | Thái Bình | Luộc  | 1,54                                           | 0,15 | 0,98       | 0,42                                     | 0,09  | 0,1   | 0,03  | 0,79                     | thấp hơn 0,18 m         |
| 5  | Xuân Quan   | Hưng Yên  | Hồng  | 1,59                                           | 0,03 | 0,89       | -0,07                                    | -0,13 | -0,12 | 0,03  |                          |                         |
| 6  | Long Từu    | Bắc Ninh  | Đuống | 1,64                                           | 0,25 | 0,85       | -0,12                                    | -0,24 | -0,07 | -0,05 |                          |                         |